

| | | | |
|------------|-----------|---------|---------|
| Ngày | 3,200 VNĐ | | |
| 31/03/2024 | | | |
| Thay đổi | 1 tháng | 3 tháng | 6 tháng |
| | -8.6% | -13.5% | -8.6% |

| | |
|-----------------------|---------------|
| Sàn giao dịch | HNX |
| Khoảng giá 52 tuần | 2,400 - 4,900 |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ) | 19 |
| Số lượng CPLH (CP) | 5,931,280 |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | 710 |
| Sở hữu nước ngoài | 25.6% |
| Beta | 0.03 |
| EPS | -463 |
| P/E | -6.9 |

DT thuần

Q1/24

0.70

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.48 | 217%

YoY: ▲ 0.49 | 232%

LN trước thuế

Q1/24

-0.37

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.42 | -831%

YoY: ▲ 0.24 | 40.1%

LN sau thuế

Q1/24

-0.37

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.42 | -831%

YoY: ▲ 0.24 | 40.1%

ROA

2023

-12.3%

+/- YoY: ▲ 2.0%

DT thuần

2023

5.95

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.75 | 41.9%

LN trước thuế

2023

-3.67

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.27 | 25.8%

LN sau thuế

2023

-3.67

tỷ VNĐ

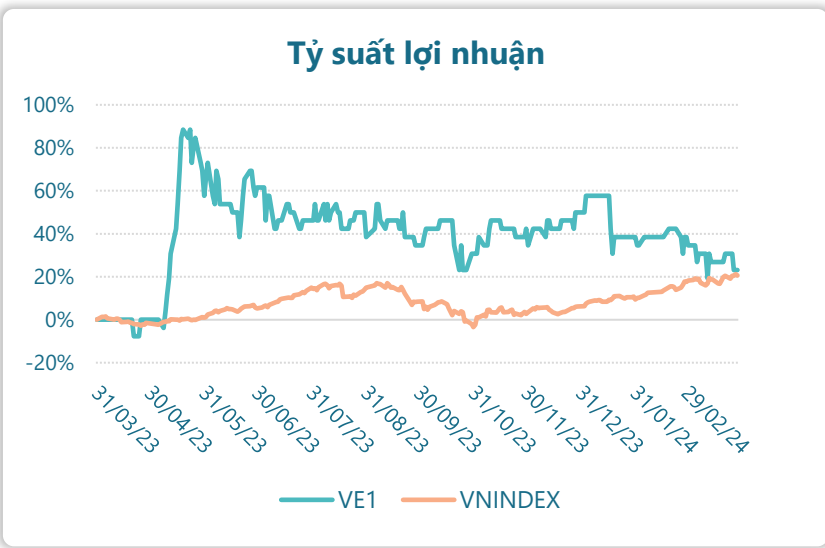
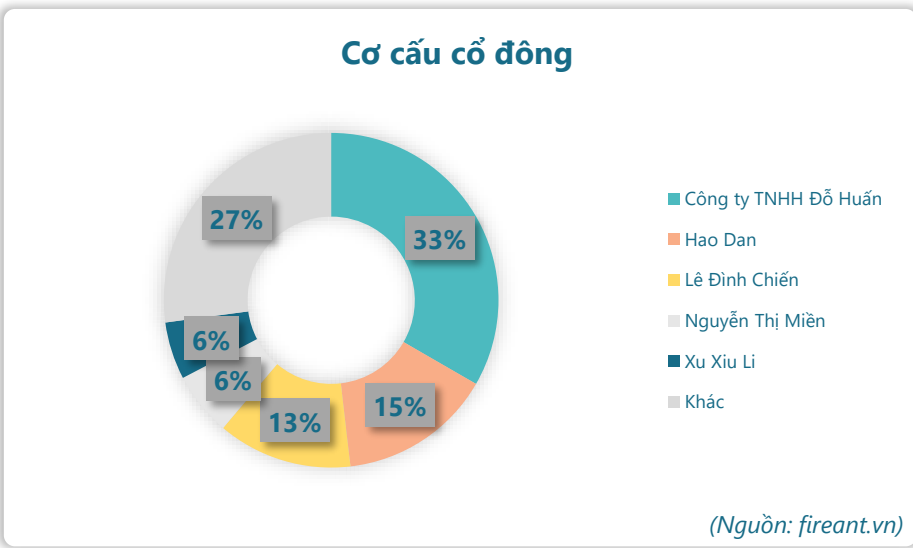
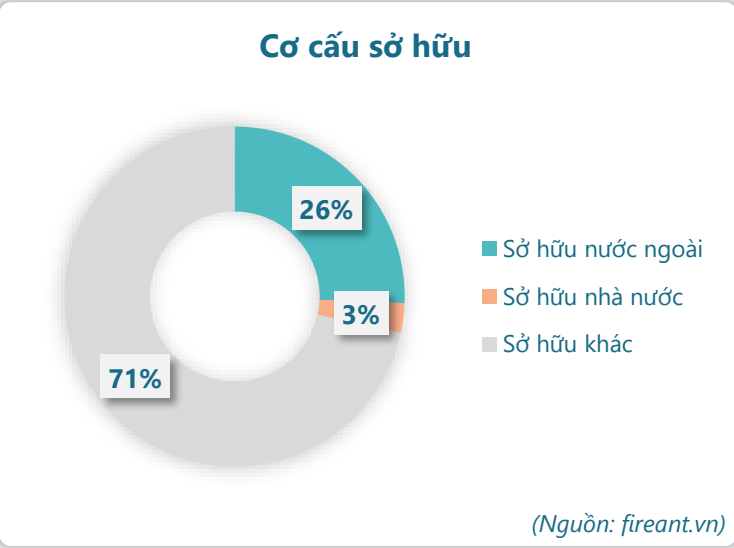
YoY: ▲ 1.27 | 25.8%

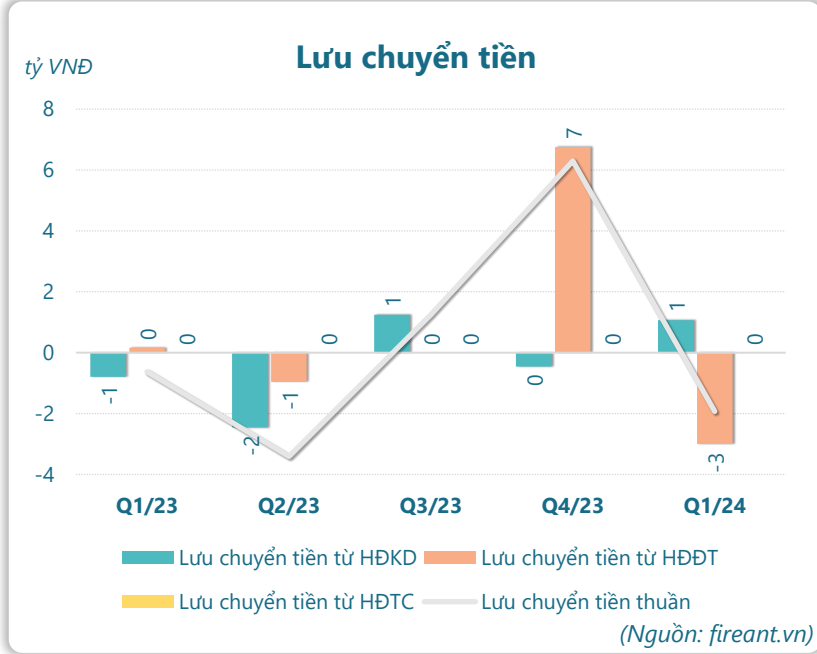
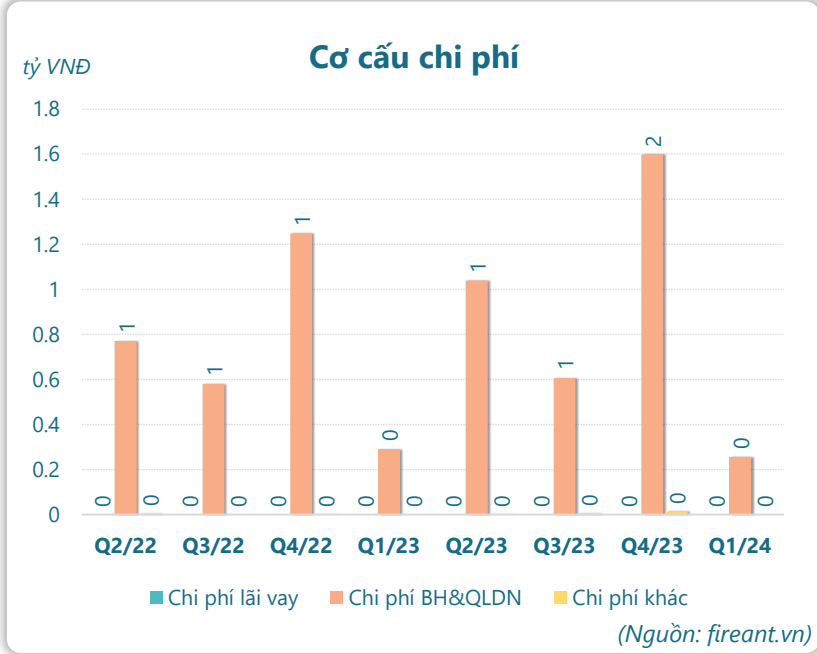
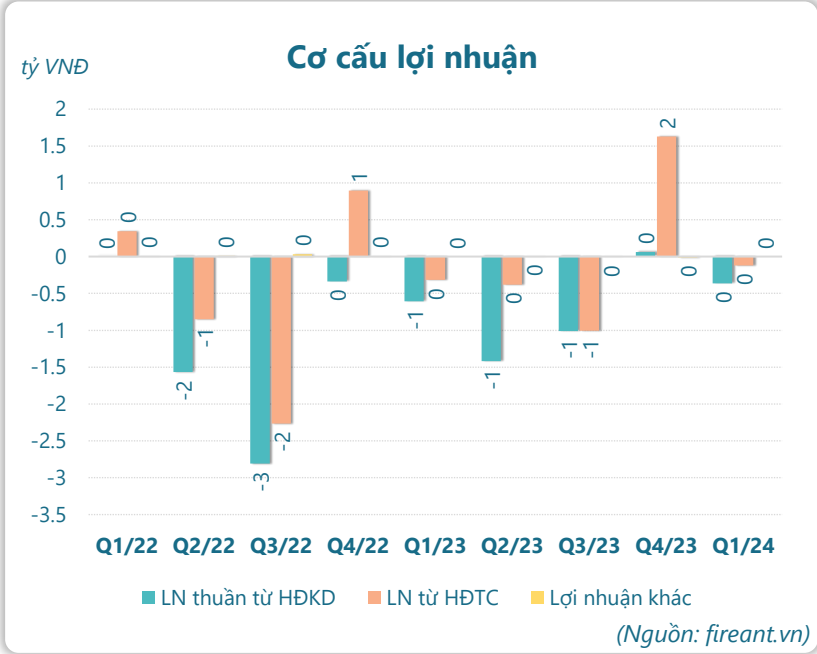
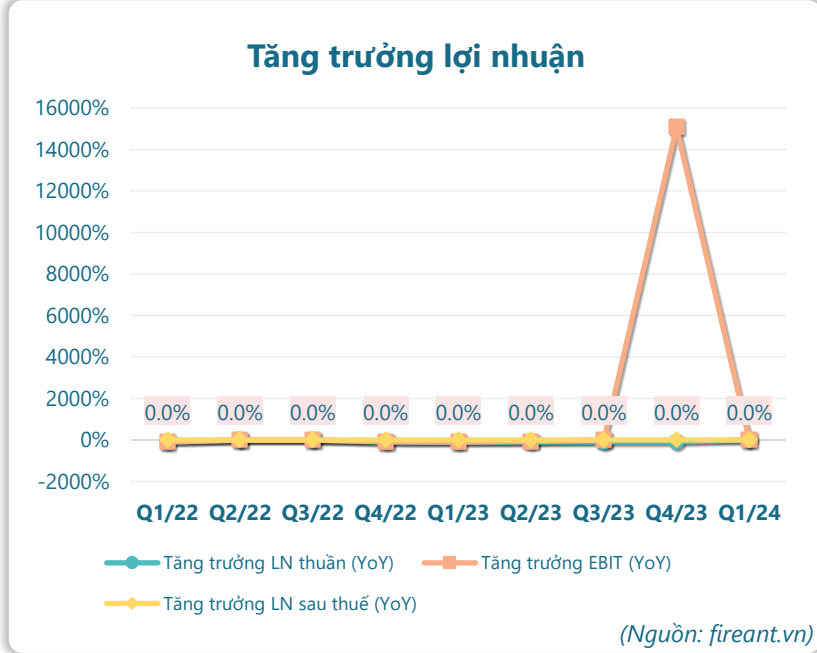
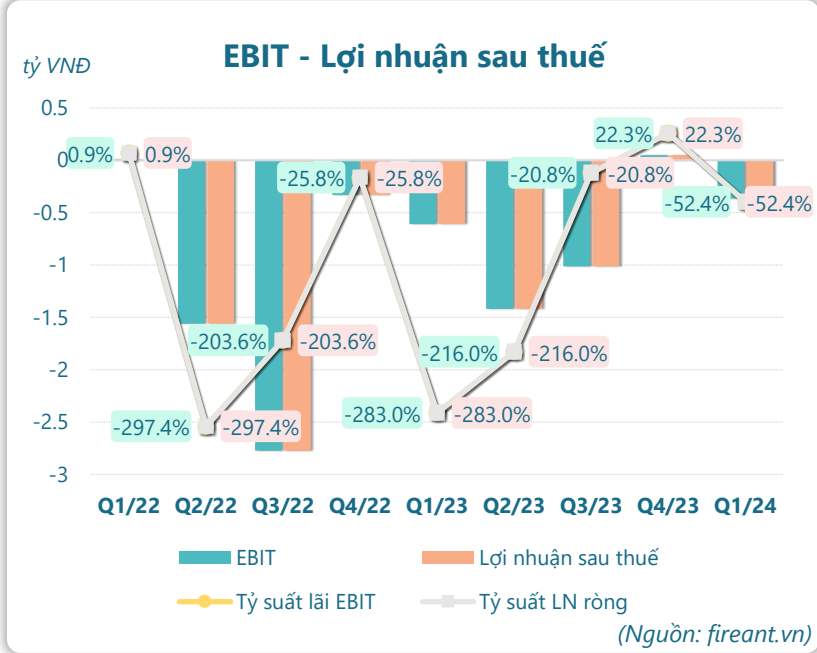
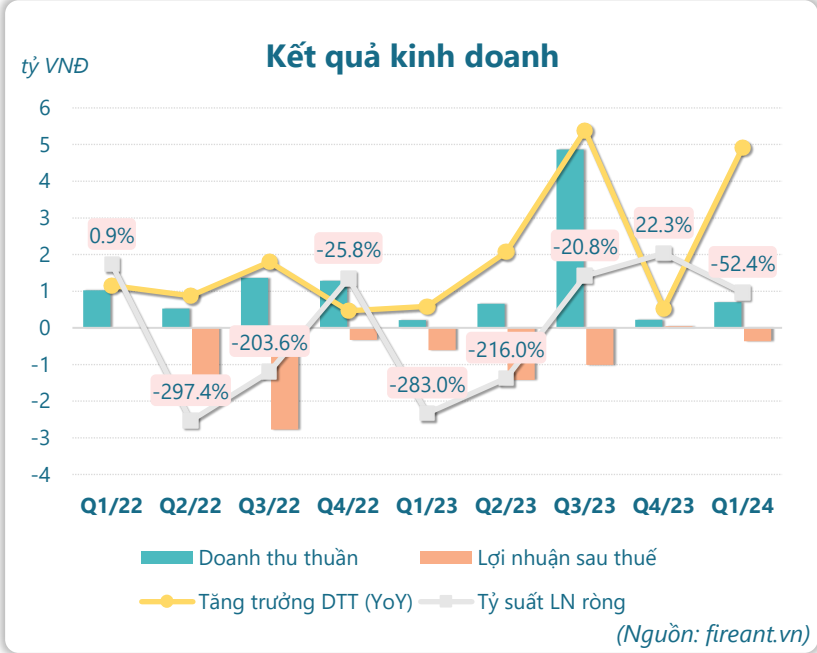
ROE

2023

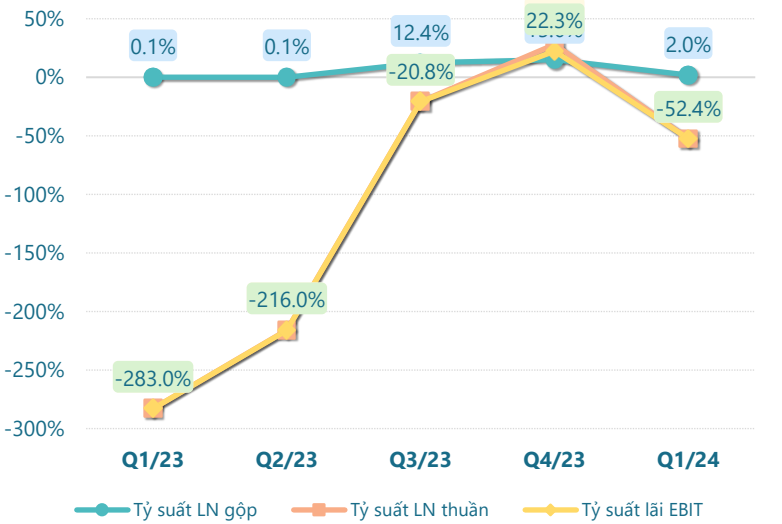
-13.0%

+/- YoY: ▲ 2.2%



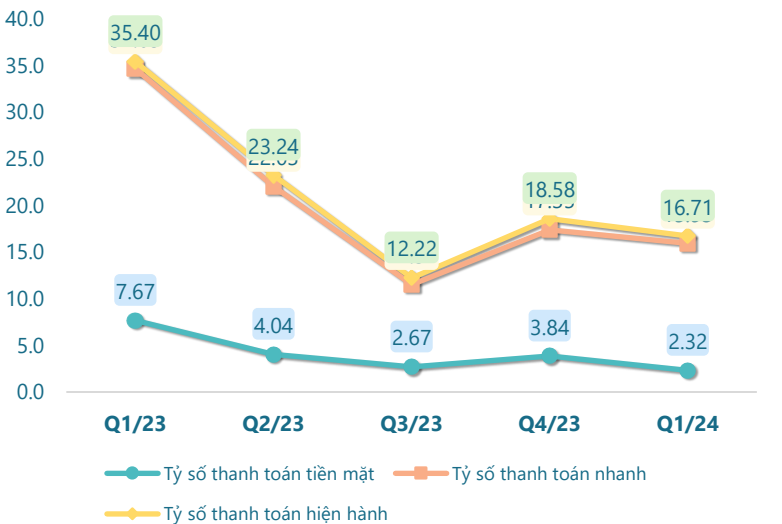


Tỷ suất lợi nhuận



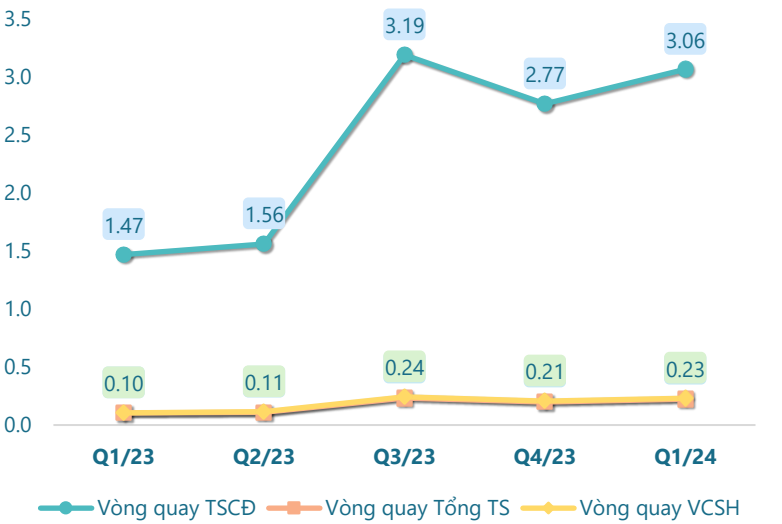
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



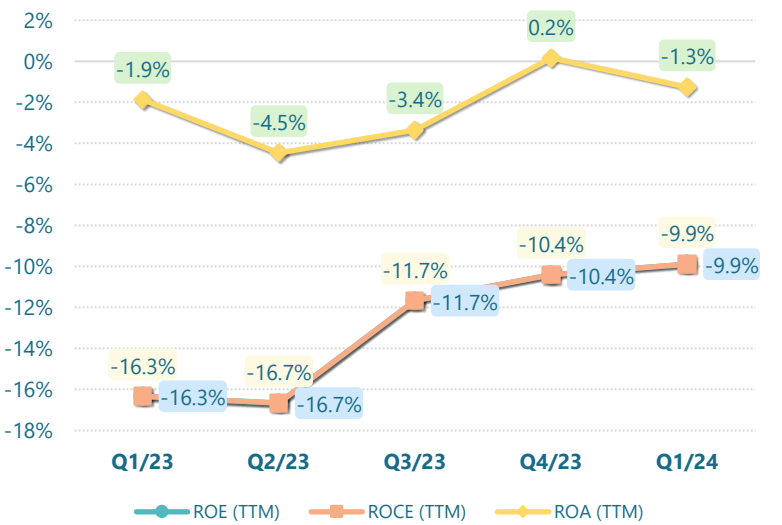
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



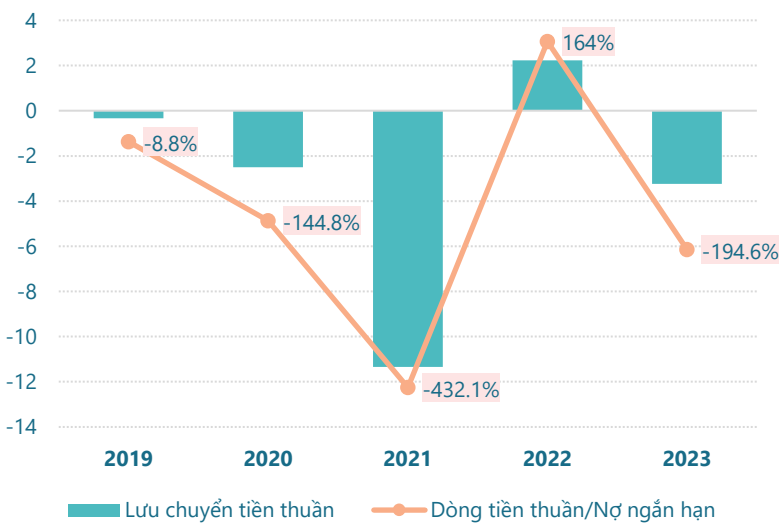
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



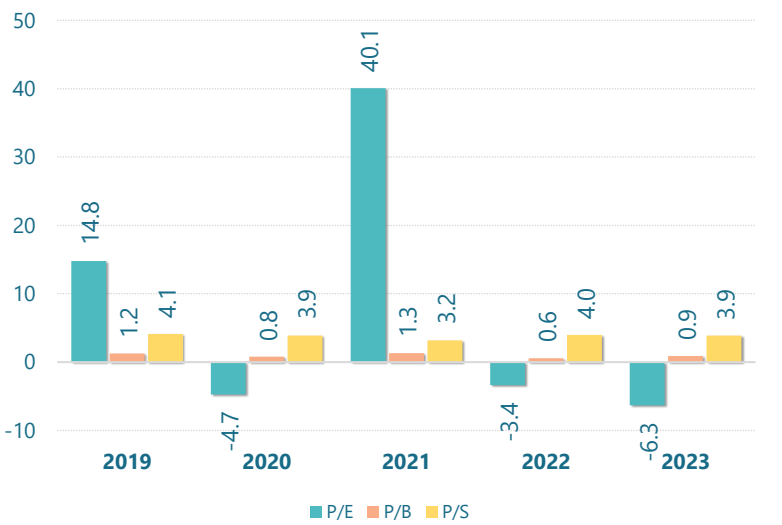
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)